

PHẠM HUY TOẠI

# ĐƯỜNG LUẬT CHỈ NAM

# 唐律指南

1952

TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN

# CÁCH THỨC LÀM THƠ ĐƯỜNG LUẬT THẤT NGÔN BÁT CÚ

## 唐律七言八句

### PHẦN THỨ NHẤT

Gọi là thơ Đường luật 唐律, hay gọi tắt là luật thi 律詩, là thơ làm theo luật đặt ra từ đời nhà Đường bên Tàu. Lối thơ này tinh xảo nhất và khó nhất.

Đây nói về làm thơ nôm, nhưng dù thơ chữ hay thơ nôm, cách thức làm cũng như nhau cả.

Thơ có 8 câu, gọi là bát cú 八句, mỗi câu 7 chữ, gọi là thất ngôn 七言, cả bài gọi là thất ngôn luật thi 七言律詩. (Đường luật lại có thơ ngũ ngôn 五言 nữa, mỗi câu 5 chữ, nhưng lối thơ này ít làm, vì không hay bằng thơ thất ngôn.)

Thơ có 5 vần, gọi là thi vần 詩韻, vần ở chữ cuối cùng 5 câu: thứ 1, thứ 2, thứ 4, thứ 6 và thứ 8.

Những chữ đặt trong các câu thơ phải theo luật bằng trắc 平仄. Những chữ không có dấu, hoặc có dấu huyền, là chữ bằng 平; những chữ có dấu sắc, hoặc dấu nặng, dấu hỏi, dấu ngã, là chữ trắc 仄.

Thơ có 2 luật 律, là luật bằng và luật trắc.

#### LUẬT BẰNG

Bằng bằng trắc trắc trắc bằng bằng,  
Trắc trắc bằng bằng trắc trắc bằng.  
Trắc trắc bằng bằng bằng trắc trắc,  
Bằng bằng trắc trắc trắc bằng bằng.  
Bằng bằng trắc trắc bằng bằng trắc,  
Trắc trắc bằng bằng trắc trắc bằng.  
Trắc trắc bằng bằng bằng trắc trắc,  
Bằng bằng trắc trắc trắc bằng bằng.

## LUẬT TRẮC

Trắc trắc bằng bằng trắc trắc bằng ,  
 Bằng bằng trắc trắc trắc bằng bằng .  
 Bằng bằng trắc trắc bằng bằng trắc ,  
 Trắc trắc bằng bằng trắc trắc bằng .  
 Trắc trắc bằng bằng bằng trắc trắc ,  
 Bằng bằng trắc trắc trắc bằng bằng .  
 Bằng bằng trắc trắc bằng bằng trắc ,  
 Trắc trắc bằng bằng trắc trắc bằng .

## THÈ LỆ 8 CÂU THƠ

Câu thứ 1, gọi là câu **Phá 破**, tức là câu đề mở đầu.

Câu thứ 2, gọi là câu **Thừa 承**, hoặc câu **Nhập đề 入題**, tức là câu đề đem những chữ đầu đề vào. Nhưng có khi đem những chữ đầu đề vào cả câu **Phá** và câu **Thừa** cũng được.

Câu thứ 3 và câu thứ 4, gọi là đôi câu **Thực 實**, hoặc đôi câu **Thích thực 釋實**, tức là đôi câu đề thích nghĩa những chữ đầu đề ra. Đôi câu này quan hệ nhất và khó nhất trong bài thơ, vì vừa phải đối nhau, lại vừa phải thích cho rõ nghĩa những chữ đầu đề ra, mà lại cấm không được dùng đến những chữ đầu đề, nghĩa là phải dùng những chữ khác để thích nghĩa những chữ đầu đề, chứ không được dùng ngay chính chữ đầu đề, nếu đặt 1 chữ đầu đề nào vào, thì là phạm đề **犯題**, không được. Ví dụ :

1.) Bài thơ đầu đề là « **Thuận vợ thuận chồng tát bể Đông cũng cạn** » (thơ thi ở Hội Khai-Trí-Tiến-Đức Hà-Nội năm xưa), đôi câu **Thực** ở một bài thơ dự thi làm rằng :

*Vì uyên-ương-lữ hòa như một,*

*Dấu Thái-Bình-Dương quét sạch không.*

« **uyên-ương-lữ** » thích nghĩa chữ **vợ chồng**; « **hòa như**

một» thích chữ Thuận ; « Thái-Bình-Dương » thích chữ bễ  
Đông ; « quét sạch không » thích chữ tát cạn ; « Vi ... Dầu »  
thích chữ cũng. Thế là thích nghĩa đủ cả 9 chữ đầu đề ra,  
mà không phạm đến 1 chữ nào trong 9 chữ đầu đề ấy.

2.) Bài thơ « Anh thuyền chài » (trong quyển Một mỗi  
lình xuất bản năm 1944), đôi câu Thực làm rằng :

*Buồng tung giăng gió hai tay lưới ;  
Vùng vẫy non sông một mái chèo .*

« Buồng tung... Vùng vẫy » thích chữ Anh, vì tổ bộ điệu  
của người làm ra ; « mái chèo » thích chữ thuyền ; « lưới »  
thích chữ chài.

3.) Bài thơ « Tài tình chi lắm cho giờ đất ghen » (cũng  
thơ thi ở Hội Khai-Tri-Tiến-Đức Hà-Nội năm xưa), đôi câu  
Thực ở một bài thơ dự thi làm rằng :

*Sao không sắc sảo vừa vừa chữ,  
Mà dễ xoay vần thế thế u !*

« sắc sảo » thích chữ Tài tình ; « Sao không . . . . vừa  
vừa chữ » thích chữ chi lắm ; « Mà dễ » thích chữ cho ; « xoay  
vần thế thế u » thích chữ giờ đất ghen.

4.) Bài thơ « Cụ Thiếu cười ra phá » (có bài thơ đầu đề  
thế, là vi xưa có một ông quan, hàm Thiếu - Bảo, tinh hay  
cười, mà cười rất to), đôi câu Thực của một người làm rằng :

*Giúp nước lão nay hàm trẻ nhất ;  
Vỡ nhà ai được miệng tròn như .*

« lão » thích chữ Cụ ; « hàm trẻ » thích chữ Thiếu ;  
« miệng tròn » thích chữ cười ; « Vỡ nhà » thích chữ ra phá.

Nhưng khi làm thơ chơi, thì đôi câu Thực có chữ phạm  
đề cũng được. Ví dụ : Bài thơ « Thi hồng » của Trần-tế-Xương  
(Tú Xương), đôi câu Thực làm rằng :

*Học đũa lớn cơm nhưng chữa chín ;  
Thi không ăn ớt thế mà cay .*

« Không ăn ớt thể mà cay » thích chữ **hồng** ; còn chữ **Thi** thì đề nguyên chữ đầu đề ; câu trên lại nói thêm cái duyên cớ thi hồng, là học còn giốt.

Câu thứ 5 và câu thứ 6, gọi là đôi câu **Luận 論**, tức là đôi câu đề bàn thêm về đầu đề. Đôi câu này cũng phải đối nhau như đôi câu **Thực**, nhưng không phải bó buộc như đôi câu **Thực**, vì muốn bàn luận thế nào tùy ý mình.

Câu thứ 7 và câu thứ 8, gọi là đôi câu **Kết 結**, (câu trên là **Kết thượng 結上**, câu dưới là **Kết hạ 結下**), tức là đôi câu đề kết thúc bài thơ lại, nghĩa là đóng lại. Đôi câu này không phải đối nhau.

Đây là 3 bài thơ thí dụ để xem cho rõ thể lệ cả 8 câu thơ như đã nói trên ;

**Thuận vợ thuận chồng tát bể Đông cũng cạn**

*Còn khó gì hơn tát bể Đông,  
Thuận chồng thuận vợ cũng thành công.  
Vì yên-trong-lũ hòa như một,  
Dầu Thà-Bình-Dương quét sạch không.  
Dẹp nổi dấy vơi cho dứt nước ;  
Ru tay thào vát vớt non sông.  
Xưa nay việc lớn làm nên được,  
Đều bởi cùng nhau tạc chữ đồng.*

### **ANH THUYỀN CHÀI**

*Một chiếc thuyền con nhẹ nhẹ veo,  
Dần thuyền quen chỉ dừng treo leo.  
Buồng tung giăng gió hai tay lái ;  
Vùng vẫy non sông một mái chèo.  
Bao quản xông pha con sóng gió,  
Những mong quét sạch giống mè nheo.  
Tâm thân ở nước lòng yên nước,  
Danh lợi trên đường mặc kẻ theo.*

## THI HỒNG

Phen này tờ hồng tờ đi ngay ,  
Giở tét từ đây nhờ lấy ngày .  
Học đã tốn cơm nhưng chưa chín ;  
Thi không ăn ớt thế mà cay .  
Sách đèn phó mặc đàn con trẻ ;  
Thưng đấu nhờ lưng một mẹ mày .  
Cống - hỷ, mét - xi, đây thuộc cả ,  
Chẳng sáng Tàu tờ cũng sang Tây .

## CÁCH ĐỐI 對

Bốn câu thứ 3, thứ 4, thứ 5, thứ 6, tức là 4 câu tam, tứ, ngũ, lục 三四五六 phải đối nhau, câu tam đối với câu tứ, câu ngũ đối với câu lục. Đối thi phải đối cho chỉnh 整, nghĩa là đối cân nhau. Những thứ chữ về Danh-từ 名詞, Động-từ 動詞, Hình-dung-từ 形容詞, Lượng-số-từ 量數詞, Trợ-ngữ-từ 助語詞, thứ chữ nào phải đối với thứ chữ ấy, vì những chữ ấy có chữ nặng chữ nhẹ khác nhau, như Danh-từ là chữ nặng nhất, Động-từ, Hình-dung-từ và Lượng-số-từ là chữ vừa vừa, Trợ-ngữ-từ là chữ nhẹ, nếu đối sai đi thì không cân nhau, tức là khiếm chỉnh 欠整, không được. Và chữ nho lại nên đối với chữ nho, nếu chữ nho đối với tiếng nôm thì kém vẻ hay đi.

Nếu đối trọi được thì càng hay, như «Giời» đối với «Đất»; «Núi» đối với «Sông»; «Có» đối với «Không»; «Xanh» đối với «Đỏ».

Lại còn cách đối hay hơn nữa, là đối trọi bằng tiếng mượn, như «Da vàng» đối với «Da sắt»; «Công dân» đối với «Nợ nước»; «Kiên gan sắt» đối với «Kết giải đồng»; «Long cá óc» đối với «Hồ cùng ai»; «Giàu có thiếu chí tiền» đối với «Sang không thì cũng bạc»; «Thiên hạ dò dòn

hai mắt lại » đối với « Anh hùng chỉ có một người thôi » (câu này là câu-đối cổ tặng người bạn chột mắt); « Câu thơ tự thọ ba hoa nói » đối với « Chén rượu mừng xuân một nụ cười » (câu-đối tức cảnh ngày tết). Những chữ « vàng », « công », « đồng », « long », « hồ », « sang », « bạc », « người », « ba hoa », là những tiếng mượn. Đối như thế gọi là đối màu, tỏ ra vẫn có tài và nghe vui tai. Nếu 2 chữ đối trội với nhau lại cùng là tiếng mượn cả, thì lại càng hay lắm, như « Long » đối với « Hồ » ở câu trên.

Nhưng cũng có khi loại chữ khác nhau, tức là chữ nặng chữ nhẹ khác nhau, mà đem đối với nhau vẫn được, trong trường-hợp đặc biệt ấy, thì những câu đặt đối với nhau phải thực cứng cỏi như những thành-ngữ 成語 mới được.

Vi dụ :

1) Đòi câu Thực ở bài « Đề tứ quyền Một tâm long ».

*Cười chung khóc mơn dăm hàng chữ .*

*Bề rộng giới' cao một khối tình .*

2) Đòi câu Luận ở bài « Vịnh tiên-sĩ giã ».

*Bán tiếng mua danh thuy' lù trẻ ,*

*Bảng vàng bia đá vẫn nghìn thu .*

3) Đòi câu Thực ở bài « Lâm quan ».

*Lên xe xuống ngựa thân đà bảnh ,*

*Vào cúi ra luồn phận sá than .*

4) Đòi câu Luận ở bài « Cuộc đời ».

*Nay bề mai dẫu cơ biến ảo ;*

*Xuông chìm lên bổng sự ưa may .*

Những chữ cười, khóc, bán, mua, cúi, luồn, là Động-từ, và chìm, bổng, là Hình-lung-từ, mà đem đối với những chữ bề, giới, bảng, bia, xe, ngựa, bề, dẫu, là Danh-từ, là đối không cân, mà cũng vẫn được, vì những câu đặt đối nhau ấy thực là cứng cỏi như những thành-ngữ.

## NIÊM LUẬT 粘 律

Làm thơ, những chữ bằng chữ trắc trong các câu phải theo như 2 luật bằng trắc (luật bằng, luật trắc) kể ở trên, trừ ra những chữ thứ 1, thứ 3 và thứ 5 không theo đúng bằng trắc cũng được, tức là nhất tam ngũ bất luận 一三五不論; còn những chữ thứ 2, thứ 4, thứ 6 và thứ 7 thì bắt buộc phải theo đúng bằng trắc, nếu sai thì là thất luật 失律, không được.

Nhưng thực ra thì chỉ chữ thứ 1 mới không bao giờ phải theo bằng trắc, còn chữ thứ 3 và chữ thứ 5 thì có khi không phải theo bằng trắc, có khi vẫn cứ phải theo đúng bằng trắc.

**Nói về chữ thứ 3.** — Khi nào trong một câu mà chữ thứ 5 và chữ thứ 6 đều là chữ trắc cả, thì chữ thứ 3 (vốn là chữ bằng theo trong luật thơ) phải giữ nguyên chữ bằng mới được, nếu đem đổi ra chữ trắc, thì là khổ độc 苦讀, không được. Ví dụ: câu « *Lác đác bên sông chợ mấy nhà* », nếu đem đổi là « *Lác đác **bến** sông chợ mấy nhà* », thì khổ độc. Còn ở những câu khác, thì chữ thứ 3 vốn là chữ bằng, đem đổi ra chữ trắc, đều được cả, như câu « *Sóng lóp **phề** hưng coi vòn rộn* », chữ thứ 3 đáng lẽ là chữ bằng. Còn như chữ thứ 3 vốn là chữ trắc thì bao giờ cũng đổi ra chữ bằng được, như câu « *Chuong hồi kim cổ lắng càng mau* », chữ thứ 3 đáng lẽ là chữ trắc.

**Nói về chữ thứ 5.** — Khi nào trong 1 câu mà chữ thứ 6 và chữ thứ 7 là 1 chữ bằng và 1 chữ trắc, thì chữ thứ 5 vốn là bằng đem đổi ra trắc, hoặc vốn là trắc đem đổi ra bằng, đều được cả. Ví dụ: câu « *Một mảnh tình riêng ta với ta* », chữ thứ 5 đáng lẽ là chữ trắc, mà đem đặt chữ « ta » là chữ bằng, cũng được; và câu « *Đừng chân gánh lại giới non nước* », nếu đem đổi chữ thứ 5 ra chữ trắc là « *Đừng chân gánh lại **ngám** non nước* », cũng được. Còn như khi trong một câu mà chữ thứ 6 và chữ thứ 7 đều là 2 chữ bằng, hoặc đều là 2 chữ trắc,



thứ chữ thứ 5 phải giữ nguyên bằng trắc mới được, như 2 câu « Nhớ nước đau lòng con quốc - quốc »; « Thương nhà mỗi miệng cái gia-gia », nếu đem đổi là « cái quốc-quốc » và « con gia-gia », thì không được, vì thành ra 3 chữ bằng và 3 chữ trắc cuối cùng đứng liền nhau.

Trong một bài thơ, nếu 4 câu làm theo luật bằng, 4 câu làm theo luật trắc, hoặc 6 câu theo luật nọ, 2 câu theo luật kia, thì là thất niêm 失粘, không được.

### LỐI ĐẶT CÂU

Trong một bài thơ, những câu cần phải thay đổi lối đặt khác nhau, không nên đặt nhiều câu cùng một lối. Nếu 4 câu tam tứ ngũ lục mà cùng chữ đầu lối đặt giống nhau, thì là bình đầu 平頭, những chữ cuối lối đặt giống nhau, thì là tịnh cước 並脚, đều là kỵ 忌.

### VẦN THƠ, TỨC LÀ THI VẬN 詩韻

Thơ cốt nhất ở vần. Vần phải cho già già, dịch dằng, nếu vần non hay ép, thì hỏng cả câu thơ đi. Vần lại phải cho thực đúng, nếu có vần hơi lạc, tức là lạc vận 落韻, thì bài thơ kém vẻ hay đi, mà nếu có vần sai hẳn, thì là xuất vận 出韻, hỏng mất cả bài thơ. Có mấy vần hơi khác nhau, nhưng vẫn thông dụng như một vần, như vần « Ang » thông dụng với vần « Ương », và vần « Anh » thông dụng với vần « Inh ».

Trong một bài thơ, đừng nên đặt 3, 4 vần có dấu huyền liền nhau, nhất là đừng đặt cả 5 vần cùng có dấu huyền. Không nên đặt 2 vần chữ viết giống nhau dù là khác nghĩa, như chữ « Ai » là người nào và « Ai » là tiền ai.

Bởi vần là quan hệ nhất và khó nhất, cho nên khi làm thơ nên tìm vần trước đã.

## NHỜI THƠ, TỨC LÀ TỪ 詞

Nhời thơ phải cho ổn, cho luyện, cho thanh tao nhã nhặn, nhất là làm được tự nhiên, nhất khi, thì hơn cả. Đừng nên đặt những chữ thô tục, nôm na, quê kệch. Cũng đừng nên gò gẫm cầu kỳ quá. Nên dùng những chữ thi liệu 詩料 mà đặt. (Những chữ thi liệu sẽ nói rõ ở Phần thứ hai).

Trong một bài thơ nôm, đừng nên đặt những chữ nho vào, trừ ra khi những chữ nho ấy đã thành hẳn tiếng nôm, hoặc đã thông dụng gần như tiếng nôm rồi, thì không kể.

Phải tránh đừng đặt có những chữ trùng điệp nhau. Nếu trong bài thơ có vài ba chữ trùng nhau, thì là điệp tự 疊字, kém vẻ hay đi, mà nếu có nhiều chữ trùng nhau quá thì là hỏng, trừ ra khi cố ý đặt những chữ trùng nhau để thêm hay, thì không kể. Trong trường-hợp ấy, thì càng nhiều chữ trùng càng hay.

### VÍ DỤ :

Nhờ bước cho nên phải bước ra,  
Đường xa càng ngại, ngại càng xa.  
Một gánh cân khôn quẩy lại nhà,  
Đường xa, xa mấy, chẳng nề xa.  
Đầu bạc, bạc thêm, thêm mấy chốc;  
Xuân xanh, xanh mãi, mãi du mà.  
Việc chẳng có danh, tham có lợi;  
Chuyện không vì lợi, chính vì danh.  
Coi thói xâm lăng là thói hủ;  
Bỏ mưu tàn sát để mưu sinh.  
Biết ai quen thuộc mà ai biết,  
Có biết chẳng thời cổ với hou.  
Đa mang cái bệnh đa tình ấy,  
Ngẫm tự nghìn xưa chẳng một mình.

## Ý NGHĨA 意義

Nghĩa những câu thơ phải cho rõ ràng, để đọc lên hiểu ngay được. Đừng đặt những câu khó hiểu nghĩa, để cho người xem không biết là mình định nói gì, thì là tối nghĩa. Nghĩa lại phải cho đầy đủ, đừng để có những câu thiếu nghĩa, hụt nghĩa.

Ý thì phải cho tao nhã, cao thượng, hoặc hùng tráng. Đừng đặt những câu ý tứ hèn hạ hoặc tầm thường quá, vì thơ là tả tính tình của mình ra, tư cách và phẩm giá của mình ở cả những câu thơ ấy, cho nên xem thơ biết được cả tính tình phẩm hạnh của người. Ý lại phải mỗi câu một khác, đừng đặt nhiều câu cùng một ý, nếu trong bài thơ có những câu ý giống nhau thì là điệp ý 疊意. Đừng bắt chước như bài thơ cô « Vịnh con muỗi » đôi câu Luân làm rằng :

*Gheo ả Hằng - nga khi giấc ngủ :*

*Trên người thực - nữ lúc chiêm bao .*

Đặt như thế, thì câu trên câu dưới ý giống nhau như hệt, gọi là hợp chưởng 合掌, vì y như 2 bàn tay xòe úp lại với nhau. Nếu khi thấy 2 câu điệp ý nhau như thế, thì phải bỏ bớt 1 câu đi, mà tìm ý khác đặt câu khác để đối với câu kia mới được.

Ý lại có ý chính, ý phụ ; nghĩa lại có nghĩa đen, nghĩa bóng. Nếu đặt được những câu có 2 hay nhiều ý nghĩa thì càng hay lắm. Ví dụ :

1-) Đôi câu Luân ở bài thơ « Thăng - Long - Thành hoái cổ » của bà Huyện Thanh - Quan làm rằng :

*Đá vẫn bền gan cùng tử nguyệt :*

*Nước còn chau mặt với tang thương .*

Câu dưới thực hay vô cùng : Nước mà hạ đến chữ chau mặt, thực tài tình, mà lại chau mặt với tang thương, lại càng hay lắm.

2.) Đòi câu Kết ở bài thơ « Vịnh bù - nhin » của vua Lê Thánh - Tôn làm rằng :

*Mặc ai nhày nhót đường danh lợi ,  
Ơn nước dậm đĩa hạt móc mưa .*

3.) 4 câu cuối ở bài thơ « Bán than » của ông Trần - Khánh - Dir làm rằng :

*Ở với lửa hương cho vẹn liết ;  
Thử xem vàng đá có bền gan .  
Nghĩ mình nhem nhuộm toan nghề khác ,  
Lại sợ giới kia thiếu kẻ hàn .*

4.) Đòi câu Luận ở bài thơ « Thuận vợ thuận chồng tát bể Đông cũng cạn » ( đã kê ở trên ) rằng :

*Đẹp nổi đầy với cho đất nước ;  
Rã tay tháo vát với non sông .*

5.) 6 câu cuối ở bài thơ « Anh thuyền chài » ( đã kê ở trên ) rằng :

*Buông tung giăng gió hai tay lưới ;  
Vùng vẫy non sông một mái chèo .  
Bao quản xông pha cơn sóng gió ,  
Những mong quét sạch giống mè nheo .  
Tấm thân ở nước lòng yêu nước ,  
Danh lợi trên đường mặc kẻ theo .*

## ÂM ĐIỆU 音調

Thơ lại cốt ở âm điệu nữa. Muốn cho có Âm điệu hay, thì những câu thơ phải chọn chữ mà đặt. Ở những câu mà vần có dấu huyền rồi, thì chữ thứ 2 nên tránh đừng đặt chữ có dấu huyền, nhất là chữ thứ 4 càng cần phải tránh đừng đặt chữ có dấu huyền. Trong các câu, đừng nên đặt 2 chữ có dấu huyền liền nhau, bất đắc dĩ lắm thì hãy đặt ; còn 3 chữ có dấu huyền đứng liền nhau thì cần phải tránh ; cả 3 chữ có dấu nặng đứng liền nhau cũng cần phải tránh.

Lại nên tránh đừng đặt 3 hay 4 chữ liền nhau cùng một vần quốc-ngữ, như : « . . . cũng có công », cùng một vần C ; « Mong mỗi một mai . . . », cùng một vần M.

Nói tóm lại, phải lựa chọn những chữ mà đặt các câu thơ, sao cho đọc lên kêu giọng, nghe vào eam tai, có âm điệu du dương như một khúc nhạc, thì thơ mới thành hay được. Vì âm điệu cũng là một thứ rất quan hệ của thơ, thơ nào âm điệu du dương thì nghe thú lắm. Như những bài thơ của Bà Huyện Thanh-Quan phần nhiều là âm điệu du dương, mà âm điệu du dương nhất, là bài này :

*Thấp thoáng non tiên lác đác mưa ,  
Bút thần khôn vẽ thủ tiêu sơ ,  
Xanh om cỏ thụ tròn gương tàn ;  
Trắng xóa tràng giang phẳng lặng tờ .  
Bầu dốc quan sơn say chấp rừu ;  
Túi nghiêng phong nguyệt nặng vì thơ ,  
Biết bao tao khách tình đi lại ,  
Thấy cảnh này ai chẳng thần thờ .*

Bài thơ ấy, không những âm điệu du dương, mà nhờ thơ lại lưu loát, uyển chuyển, y tứ lại dồi dào, giọng văn lại kiên diệu. Thơ tả cảnh đến như thế là tuyệt diệu, thực là giá đáng thịnh-Đường 盛唐, vì bài thơ ấy không kém gì những bài thơ trong buổi thịnh-Đường, mà thơ thịnh-Đường là thơ hay nhất.

## TỔNG LUẬN 總論

Thơ văn là một thứ rất cần cho người ta, hoặc để di dưỡng tinh thần, hoặc để tỏ bày tâm sự. Như khi mình có sự cảm xúc muốn nói, hoặc thấy cảnh đẹp muốn khen, mà muốn cho điều nói và điều khen đó còn lại được lâu dài để mình ghi nhớ hoặc để người khác xem biết, thì không phải là tả bằng những lời nói thường mà được, tất phải diễn ra bằng văn thơ.

Mà đã gọi văn thơ, tức là một nghệ thuật, nghệ thuật thì phải cho khéo léo đẹp đẽ, mới gọi là mỹ thuật. Thơ Đường luật, như trên đã nói, là một lối văn tinh xảo nhất và khó nhất, vì luật lệ nghiêm khắc, khuôn khổ bó buộc, tinh vi kỹ lưỡng từng tí. Nhưng có tinh vi mới thấy tài, có khó khăn mới quý giá. Ta thường thấy bao nhiêu bài thơ Đường luật tuyệt tác bằng chữ Hán và bằng quốc văn lưu truyền lại cho ta từ xưa tới nay, ta đọc lên vẫn còn thấy cảm thấy thú, thực là bất hủ. Cho nên làm được một bài thơ hay, là một tác phẩm rất quý, và cũng đáng thỏa da.

Nhưng muốn làm thơ cho hay, thì phải dụng công phu lắm mới được: Phải xem nhiều làm nhiều, tức là khán đa tở đa 看多做多. Xem nhiều thì mới rộng ý, làm nhiều thì mới luyện nhời. Những người có thiên tài về thơ thì làm thơ dễ hay, nhưng cũng đều phải dụng công như thế. Khi làm, phải nghĩ ngợi sửa chữa kỹ càng, thường thường phải tư ngẫm đọc nhiều lần để xem đã được hay chưa, nếu thấy câu nào chữ nào chưa ổn, thì phải chữa đi, có khi chỉ một chữ mà cũng khó tìm để đặt hoặc khó chữa cho ổn, cho nên gọi là hàn tr nhất tự 寒於一字, nghĩa là túng về một chữ, và có đôi câu thơ cổ rằng: « Vì cầu nhất tự 爲求一字難, 耐得半宵寒, nghĩa là: « Vì tìm một chữ ế, phải chịu nửa đêm lạnh ». Đôi câu ấy để tả sự chịu khó dụng công và sự khó khăn lâu lâu để tìm lấy một chữ ổn mà làm thơ, vì chịu thức và chịu rét những một nửa đêm để sục sạo tìm lấy một chữ.

Làm thơ cần nhắc từng chữ để sửa đổi kỹ càng như thế, gọi là « thôi xao » 推敲. « Thôi » nghĩa là đẩy, « xao » nghĩa là gõ, hai chữ « thôi xao » là lấy điển ở một chuyện sau này:

Về đời nhà Đường bên Tàu có một người tên là Giả-Đảo 賈島, khi còn là học trò, làm một bài thơ, trong có đôi câu trước làm rằng: « Điều túc tri biên thụ; Tăng thời nguyệt hạ môn » 鳥宿池邊樹. 僧推月下門, nghĩa là: « Chim ngủ cây bên ao; Sư đẩy cửa dưới giăng ». Sau nghĩ muốn đổi một chữ ở câu dưới rằng: « Tăng xao nguyệt hạ môn » 僧敲月下門, nghĩa là: « Sư gõ cửa dưới giăng ». Nhưng nghĩ mãi không biết nên đặt chữ « thôi » hay chữ « xao », mới đứng ra ngoài cửa, miệng vừa lầm nhảm đôi câu thơ ấy, tay vừa ra hiệu đẩy vào cửa rồi lại gõ vào cửa để xem thế nào hơn. Làm như thế đến ba bốn lần, chợt có ngựa xe một ông quan tên là Hàn-Dũ 韓愈 đi đến đấy, Giả-Đảo vẫn không biết mà tránh, ông quan lấy làm lạ, dừng ngựa lại hỏi, Giả-Đảo mới nói thực rằng vì mãi cân nhắc 2 chữ « thôi xao » ở bài thơ, nên không biết mà tránh, ông quan bảo đọc cả bài thơ lên cho nghe, nghe xong, ông ấy nghĩ một tí rồi bảo Giả-Đảo rằng chữ « xao » hơn.

Ấy, làm thơ dụng công là như thế.

## PHẦN THỨ HAI



## PHẦN THỨ HAI

---

Phần thứ nhất đã nói đủ hết cách thức để làm thơ Thất ngôn luật, và ở mục **Nhời thơ** có nói làm thơ nên dùng những chữ thi liệu.

Phần thứ hai này chỉ kể qua những chữ thuộc thi liệu và biên tập những câu thơ hay của nhiều tác-giả và những câu thơ gọi là tam được của tôi để thêm được nhiều thí dụ.

Những chữ thuộc thi liệu là :

**Giời đất, nước non, cỏ hoa, giăng gió,  
Mây mưa, sương tuyết, hương lửa, yên hà;  
Ngọc đá, sắt son, bạc vàng, cát bụi.  
Cầm kỳ, thi tửu, danh lợi, sắc tài ;  
Duyên nợ, cảnh tình, xuân thu, tuế nguyệt,  
Cần khôn, vũ trụ, kim cổ, tang thương ;  
Chiếc nhạn, con thuyền, ngọn đèn, giấc mộng,  
Canh gà, tiếng dế, hồn bướm, tơ tâm ;**

và những chữ về **MẪU SẮC**, về **SỐ MỤC**, về **THÂN THỀ**.

Làm thơ bằng những chữ ấy thì câu thơ dễ thành ra thanh tao, đẹp dẽ, cứng cáp. Những chữ về **MẪU SẮC** thì làm cho câu thơ đẹp dẽ. Những chữ về **SỐ MỤC**, về **THÂN THỀ**, thì làm cho câu thơ cứng cáp. Những chữ **GIỜI ĐẤT, NƯỚC NON, CỎ HOA, GIĂNG GIÓ** v. v... như đã kể trên, thì làm cho câu thơ thanh tao.

Đại khái những câu thơ hay phần nhiều là dùng những chữ thuộc thi liệu mà đặt. Xem những câu thơ dưới đây thì nhận thấy đều có những chữ thi liệu ấy.

# BIÊN TẬP NHỮNG CÂU THƠ LỰA TRÍCH

## Câu thơ

### CÓ NHỮNG CHỮ

Lạnh lùng bốn bề ba phần tuyết ;  
Xao xạc năm canh một tiếng gà .

Nước non nghìn dặm đôi hàng lệ ;  
Tâm sự năm canh một bóng đèn .

Ba sinh âu ái hai hàng lệ ;  
Chín đợt tử bi một nền lương .

Đông dãi chấp chành mười dòng chữ ,  
Mau mả lao la một mối tình .

Gửi gấp nhàn nhè hai sứ nhân ,  
Ấu cần cầu đảo một phong thư .

Lỗi lạc phong lưu đôi nét bút ;  
Yêu kiều diễm lệ một bông hoa .

Cười chung khước mơn dăm hàng chữ ,  
Bề rộng giới cao một khối tình .

Mơ toang tâm sự đôi ngời bút ;  
Thu nhỏ cân khôn một chén quỳnh .

Nhảy nhót chữ vì ba cái kẹo ;  
Hạt mè bắt quả một con quay .

Cổn rêu ven thành ba mặt sóng ;  
Phủ toang cửa động một chùa hang .

**TRONG CÁC BÀI CỦA NHIỀU TÁC GIẢ**

Đầu đề	Thực hay Luận	Tác giả
<b>VỀ SỔ MỤC</b>		
Đềm dài.	Thực	Trần tế Xương
Bản mình tròn chữ hiếu; Cay em chấp tơ tình.	Thực	Chu mạnh Trinh
Đề truyện Thị - Kinh.	Luận	Vô danh
Đề từ quyền Một mối tình	Thực	Phạm huy Toại
Gửi bạn	Thực	Phạm huy Toại
Tặng một nữ sĩ	Thực	Phạm huy Toại
Đề từ quyền Một tấm lòng.	Thực	Đoàn như Khuê
Độc quyền Một mối tình, cảm tác	Thực	Dương tự Đề
Trò trẻ	Thực	Phạm huy Toại
Vịnh núi Dục - Thúy.	Thực	Nguyễn đình Giốc

- 1 -  
Cần thơ

Ngàn bụi sóng vây ba mặt nước ;  
Ngai buồn thu điểm một tường hoa .  
Lễ hòa Tư-Mã ba hàng mực ;  
Giò ngàng Thời - Oanh một bức tơ .  
Trước đèn mơ mẩn ba hàng mực ;  
Dưới nguyệt đeo đai một chữ đồng .  
Vườn cúc đào chơi ba khóm dướm ;  
Rượu sen cùng nhấp một hơi khà .  
Khôn dại cũng chung ba thước đất ;  
Giàu sang chưa chín một nồi kê .  
Hiếu tình trất nặng hai vai gánh ;  
Thần thể xoay quanh một giấc mộng .  
Trung hiếu giữ tròn hai nốt tốt ;  
Phong trần trái mấy một niềm tươi .  
Nước non tinh vân mười phân nặng ;  
Giăng gió thơ nguyên một túi đầy .  
Mặc kẻ cạnh tranh năm giải đất ,  
Này đây chêm chệ một phương giới .  
Nếu như xã tắc hai hồi ấy ,  
Đâu có tang thương một hội này .  
Tỉnh say hai bữa lưng hồ rượu ;  
Thua được thâu đêm một cuộc cờ .  
Quanh năm suy tính bao điều lợi ;  
Trăm tuổi mơ màng một chữ danh .

Đầu đề	Thực hay Luận	Tác giả
Vịnh núi Dục - Thủy	Luận	Doãn như Khuê
Xuân mộng	Thực	Phan mạnh Danh
Mộng đề thơ cho Đàm-Tiền; Đính hôn trước cúng Kim-Trọng.	Thực	Phan mạnh Danh
Vui với bạn hồi lưu	Luận	Hoàng huân Trung
Ngẫu cảm	Thực	Vua Dực - Tôn
Vịnh Thủy - Kiều	Thực	Chu mạnh Trình
Tự thọ bảy mươi	Luận	Phạm huy Toại
Hồi cư gặp bạn cũ	Thực	Phạm huy Toại
Đề bức truyền thần của mình.	Luận	Phạm huy Toại
Vịnh dục Trần-Hưng-Đạo	Thực	Hoàng cao Khải
Cảnh làm quan huyện Hưng - Nhân	Luận	Nguyễn văn Đào
Danh lợi	Thực	Phạm huy Toại

Câu thơ

Bầy hàng hoa quả tư mùa sẵn ;  
Mở phố giang sơn bốn mặt ngồi.

Bãi cát loi thoi vài chiếc nhận ;  
Ghềnh khơi thấp thoáng mấy con leo.

Nếm mùi chung đỉnh đôi ba chút ;  
Trải cuộc binh đao sáu bảy năm.

Hào tin một mong hai vẫn đợi ;  
Giai kỳ mười hẹn chín thường sai.

Mười việc chua cay thường tám chín ;  
Trăm người đắm thắm chỉ hai ba.

Đôi lúc dăm ba vẫn cảm hứng ;  
Bốn năm mười một bận di cư.

Thất tuần đứng đỉnh lên trăm tuổi ;  
Ngũ phúc cùng chung cả một nhà.

Nửa gỏi năm canh gà gáy giục ;  
Tấc mây sáu cánh nhận tin thừa.

Năm canh giấc bướm hôn vợ vẫn ;  
Chín khúc to tầm đa vấn vương.

Vấn vương trăm mối sầu khôn gỡ ;  
Trần trọc năm canh giấc chẳng yên.

Cuộc thế tang thương thân bấy thước ;  
Chút duyên vẫn tự nợ ba sinh.

Năm đất thương đau người chín tuổi ;  
Trên cầu gặp gỡ khách ba sinh.

Đầu đề	Thực hay Luận	Tác giả
Chơi chợ giới chùa Thầy	Luận	Hồ Xuân Hương
Tiêu - Trương bát cảnh	Thực	Phan mạnh Danh
Tự thọ sáu mươi năm	Luận	Phạm huy Toại
Xuân mộng	Thực	Phan mạnh Danh
Lữ hướng tự trào	Luận	Phan mạnh Danh
Tân cư cảm tác	Thực	Phạm huy Toại
Chúc thọ	Thực	Phạm huy Toại
Xuân khuê	Thực	Phan mạnh Danh
Cảm hoài	Thực	Phạm huy Toại
Cảm hoài	Thực	Phạm huy Dụng
Đề từ quyền Một mối tình	Luận	Phạm huy Toại
Viếng má Đạm - Tiên ; Gặp chàng Kim - Trọng	Luận	Vô Danh

Câu Thơ

Thăm thăm một hang mây mịt tỏa ;  
Quanh queo mấy lối đã chọn von.  
Mấy độ sương pha chồi cúc lão ;  
Ba phần rêu phủ net thơ nhòa.  
Giăng gió thú vui còn chán vạn ;  
Trò tuồng thay đổi đã hàng trăm.  
Hai chữ tin hồng trao gác nguyệt ;  
Một roi vô kỷ tềch đường mây.  
Cảnh vui dầy rẫy sân hộc quế ;  
Vườn cũ dăm ba khóm cúc tùng.  
Ba khóm cúc tùng vui cảnh cũ ;  
Một sân hộc quế rặng nền sau.  
Ngâm câu cảm tú thơ năm vạn ;  
Nhấp chén quỳnh tương rượu mấy tuần.  
Muôn từng đá xếp ngôi đèn cổ ;  
Bốn mặt thành in bóng nước gương.  
Mười năm đèn sách gia công gắng ,  
Hai chữ chi hồ rõ nghĩa đầu.  
Hai vần bảng trác thành muôn tiếng ;  
Ba tháng é a biết mọi câu.  
Bốn phương hồ thi nên bèn chi ;  
Hai chữ quán thân phải nặng tình.  
Nghìn trùng phần tử mơ hồn bướm ,  
Muôn dặm quan hà ruỗi vó câu.



Đầu đề	Thực hay Luận	Tác giả
Chơi chùa Hương - Tích	Thực	Phạm huy Toại
Chơi chùa Non - Nước	Luận	Nguyễn can Mộng
Tự thọ sáu mươi năm	Thực	Phạm huy Toại
Mắc lặn Sở - Khanh	Luận	Chu mạnh Trinh
Hồi hưu tức sự	Thực	Phạm huy Toại
Nhân cảnh	Thực	Phạm huy Toại
Mừng tết	Thực	Phạm huy Toại
Vịnh Đẽ - Thiên Đẽ - Thich	Thực	Phạm huy Toại
Học hán - tự lâu	Thực	Phạm huy Toại
Học quốc - ngữ chóng	Thực	Phạm huy Toại
Khuyên con khi ra làm việc	Luận	Phạm huy Toại
Lưu biệt khi hồi cư	Luận	Phạm huy Toại

Câu thơ

Hơn một năm xa vì cách trở ;  
Đã nhiều khi nhớ với chiêm bao .  
Tuổi xuân năm chục như còn trẻ ;  
Tài học mười phân thực đã già .  
Một bầu nhiệt huyết lòng hơn trẻ ;  
Mấy áng hùng văn bút thực già .  
Lặn đạn mấy phen vì đất nước ;  
Xa xôi nghìn dặm nhớ quê nhà .  
Năm tháng vui vầy chưa mấy lúc ;  
Nghìn trùng xa cách đã vì đâu .  
Một đoạn sầu còn vương đáy dạ ,  
Ba mươi năm chữa dứt tơ tình .  
Nửa khắc cũng đã tiêu mỗi hận ;  
Lâu năm còn chữa dứt tơ tình .  
Một cuộc tao phùng duyên thưở trước ;  
Bao lời tâm sự chuyện hôm xưa .  
Non Bồng vàng nguyệt soi nghìn dặm ;  
Đỉnh Giáp từng mây bọc mấy trùng .  
Một niềm giữ lấy nhời chung thủy ;  
Đôi ngả lo gì nổi bắc nam .  
Cửa cực có duyên nhanh bước tới ;  
Ngũ hồ thỏa chí nhẹ chèo đi .  
Một hồ chiêm giữa trong như lọc ;  
Rẫy núi vây quanh dứt lại liền .

Đầu đề	Thực hay Luận	Tác giả
Gửi bạn	Thực	Nguyễn đình Ngân
Tặng bạn	Luận	Phạm huy Toại
Tặng bạn	Luận	Phạm huy Toại
Ba tết quê người	Thực	Phạm huy Toại
Lưu biệt	Thực	Nguyễn xuân Hoạt
Mơ bạn lúa đời sau 30 năm tử biệt	Thực	Phạm huy Toại
Xuân mộng	Luận	Phan mạnh Danh
Nhớ người nữ sĩ	Thực	Phạm huy Toại
Xuân mộng	Thực	Phan mạnh Danh
Xuân mộng	Thực	Phan mạnh Danh
Tặng bạn Tham-Tri hồi hưu	Luận	Phạm huy Toại
Vịnh cảnh Đà - Lạt	Thực	Phạm huy Toại

Câu thơ

Đàn một vài cung, cờ một cuộc ;  
Thơ đầy túi, rượu đầy nai .

Muôn việc chẳng qua thôi cũng mộng ;  
Ba sinh chưa chắc đã là duyên .

Ba sinh từ trước không mà có ;  
Chín kiếp về sau giả lại vay .

Đất khách trải hai lần chính - dân ;  
Giới Nam chung một ánh binh-minh .

Đất khách làm quen nào mấy kẻ ;  
Giấy tình như buộc cả đôi ta .

Tình chân bảy mươi còn thiếu bảy ;  
Gấp đôi ba chuc lại thừa ba .

Trần, Lý hai đời dò đóng giữa ;  
Việt, Ngô mấy độ trận đàn bèn .

Anh em bốn bề người chung tỏ ;  
Hương khói nghìn thu nước có hồn .

Chợ xép mười lều người tẻ ngắt ;  
Sông con một giải nước nông choèn .

Đôi lứa vui vầy duyên cá nước ,  
Một mai nầy nở giống Tiên Rồng .

Non cao nước biếc thơ đầy túi ;  
Gió mát giăng thanh rượu một bầu .

Tiêu dao tuế nguyệt thơ lưng túi ;  
Say tỉnh cần khôn rượu một bầu .

Đầu đề	Thực hay Luận	Tác giả
Chơi	Luận	Phạm huy Toại
Đề quyền Trước đèn của Phùng-lát-Đắc	Luận	Phan mạnh Danh
Duyên nợ	Thực	Phan mạnh Danh
Hai tết quê người	Luận	Phạm huy Toại
Gửi bạn	Luận	Nguyễn đình Ngân
Tự thộ sáu mươi ba	Thực	Ông Cử Vạn-Phúc
Vịnh thành Thăng - Long	Thực	Ngô bằng Giục
Lên đền Hùng - Vương	Luận	Nguyễn can Mộng
Tản cư ở làng Quên (Quần - hiền)	Thực	Phan đình Tấn
Mừng đám cưới	Thực	Phạm huy Toại
Nhàn cảnh	Luận	Phạm huy Toại
Nhàn cảnh	Luận	Phạm huy Toại

Câu thơ

Rượu mừng chúng ban dâng vài chén ;  
Thơ tiễn làng nho lặng mấy câu .

Phân kỳ rượu sẵn vui vài chén ;  
Tống biệt thơ thành đọc mấy câu .

Đàn trao ý nhã so vài khúc ;  
Thơ ngu tình xấu họa mấy vần .

Nhời rõ văn hoa hay có một ;  
Giọng thêm bay bướm thú bằng hai .

Câu truyện tả tình hay có một ;  
Vần thơ thích nghĩa thú bằng ba .

Mấy trăm thiên đã dồn công lại ;  
Bốn chục năm vừa xuất bản ra .

Nửa giấc đoạn trường tan gói điệp ;  
Một giây bạc mệnh dứt cầm loan .

Mấy giò sen rớt hơi hương ngự ;  
Năm thức mây phong nếp áo châu .

Bán tiếng mua danh thầy lữ trẻ ,  
Bảng vàng bia đá vẫn nghìn thu ,

Mấy ô lợn con mua đất rẻ ?  
Vài gian nếp cái ngạt nông xấu ?

Gạo cứ lệ ăn dong bữa một ;  
Vợ quen dạ đẻ ba năm đời .

Một duyên hai nợ âu đành phận ;  
Năm nắng mười mưa dám quản công .

Đầu đề	Thực hay Luận	Tác giả
Tiễn bạn đôi di xa	Luận	Phạm huy Toại
Tiễn biệt	Luận	Vô danh
Cầm kỳ thi tửu cùng vui với bạn	Luận	Phạm huy Toại
Phê bình tập thơ của bạn	Thực	Phạm huy Toại
Đề quyền Bút hoa của Phan-mạnh-Danh	Thực	Ứng Bình
Đề quyền Bát hoa của Phan-mạnh-Danh	Luận	Ứng Bình
Vịnh Thúy - Kiều	Luận	Phạm quý Thích
Vịnh chùa Trấn - Bắc	Thực	Bà Huyện Thanh - Quan
Vịnh Tiến - sĩ giấy	Luận	Nguyễn Khuyến
Nước lụt hỏi thăm bạn	Luận	Nguyễn Khuyến
Than thân	Luận	Trần tế Xương
Đưa cho vợ	Luận	Trần tế Xương

Câu thơ

Khảng khái lời thề trên chín bệ ;  
Hùng hồn giọng hịch dưới ba quân .

Duyên kia lỡ rủi chia đôi ngã ,  
Sầu nọ xây nên ngắt một thành .

Canh khuya nửa gối trùng eo óc ;  
Xuân khóa đầy song nguyệt lạnh lòng .

Xiên ngang mặt đất rêu từng đám ;  
Đám toạc chân mây đá mấy hòn .

Thu tàn sương nhạt ba chòm cúc ;  
Am vắng mây che một ngọn đèn .

Tiền tài hai chữ son khuyên ngược ;  
Nhân nghĩa đôi đường nước chảy xuôi .

Ba mươi tuổi lễ đà bao nả ,  
Năm sáu đời vua khéo chóng ghê .

Tinh thần hai chữ phao sương tuyết ;  
Khí phách nghìn thu rở núi non .

Hai vai tơ tóc hèn giới đất ;  
Một gánh cương thường nặng núi sông .

Đã khách không nhà trong hỗn bễ ,  
Lại người có tội giữa năm châu .

Chiếu phượng mười hàng tơ cận kẻ ;  
Vó câu nghìn dặm tuyết xông pha .



Đầu đề	Thực hay Luận	Tác giả
Vịnh Đức Trần-Hưng-Đạo	Thực	Thâm Quỳnh
Đề tập Hoa bạch - trà của Đỗ - đức - Thực	Luận	Phạm huy Toại
Đề truyện Tân-Cung-Oán	Thực	Vô danh
Than thân	Luận	Hồ xuân Hương
Lên núi Dục-Thủy cầm hoài	Thực	Đoàn như Khuê
Thối đời	Thực	Nguyễn công Trứ
Tự trào	Thực	Phạm Thái
Trung thần nghĩa sĩ	Luận	Nguyễn đình Chiêu
Tôn phu nhân về nước Thực	Luận	Phan văn Trị
Tự an ủi trong ngục Quảng - Đông	Thực	Phan bội Châu
Tặng Nguyễn - Biền	Thực	Trần đế Quý-khoách

Câu thơ

CÓ NHỮNG CHỮ

Mái tóc chòm đen chòm lốm đốm ;  
Hàm răng chiếc rung chiếc lung lay .

Lập lờ bốn mắt tranh mờ tỏ ;  
Khấp khểnh ba chân đỡ tỉnh say .

Tóc vẫn xanh um, răng vẫn chặt ;  
Chân không chậm chạp, mắt không lòa .

Vào hàng tai mặt trong làng xóm ;  
Ra dáng đầu râu với nước non .

Trái cuộc tang thương thay mái tóc ;  
Ngắm gương kim cổ vuốt chòm râu .

Cuộc đời dầu bể từng qua mắt ;  
Chuyện thế hay hèn chẳng để tai .

Xét soi trước mặt đôi vàng ngọc ;  
Vùng vẫy trên tay một lá cờ .

Mái tóc tuyết sương dù đã nhuộm ,  
Tấm lòng son sắt chẳng hề thay .

Ngắm cuộc phũ hưng nhường rồi ruột ;  
Tình cơ thành bại những chau mày .

Mong cho thời thế xoay ra mặt ,  
Chờ để anh hùng chịu bó tay .

Hai gái anh hùng đã tỏ mặt ,  
Đàn con Hồng Lạc phải ra tay .

Đầu đề	Thực hay Luận	Tác giả
<b>VỀ THÂN THỀ</b>		
Than già	Thực	Nguyễn Khuyến
Than già	Luận	Nguyễn Khuyến
Vị lão	Thực	Phạm huy Toại
Tự thọ sáu mươi	Thực	Phạm huy Toại
Nhân cảnh	Thực	Phạm huy Toại
Tự thọ sáu mươi hai	Luận	Phạm huy Toại
Vịnh bû - nhìn	Thực	Lê Thánh-Tôn
Hồi cư gặp bạn cũ	Luận	Phạm huy Toại
Cảm hoài	Thực	Phạm huy Toại
Cảm hoài	Luận	Phạm huy Toại
Kỷ niệm hai Bà Trưng, cảm tác	Luận	Phạm huy Toại

Câu thơ

Hộp mặt chẳng qua ba chén nước,  
Biết lòng may có mấy vần thơ.

Hồn thơ vàng vằng kêu hồn nước :  
Da khách hao hao giống da mình .

Xác vò gửi bóng giới tang hải :  
Hồn bướm quên thân đất Việt Hồ .

Sông Nhị chờ trông con mắt mới ;  
Non Tiên quanh quất mộng hồn say .

Thân ở bên đèn hình ấy ảnh ;  
Hồn lia trên gối ảo mà chân .

Tướng hồn hồ-diệp còn mơ ngủ ;  
Trông bóng phù-du cũng nực cười .

Bóng chẳng nở lia hoa với liễu ;  
Lông toan đem dải gió cùng giăng .

Trước đài lồng bóng gương song thọ ;  
Trên án ngang my chén lục tuần .

Phong trần đã trái đầu râm bạc,  
Trung hiếu còn ghi dạ sắt son .

Nghìn dặm đưa chân toản dãi khách ;  
Bôn bề lạ mặt những người ta .

Gặp ban lúc sương duyên niu lại ;  
Giết thù dạ sắt bút tung ra .

Lòng ngần ngo lỏng ai có tổ ?  
Mặt xa xôi mặt trách vì đâu !

Đầu đề	Thực hoy Luận	Tác giả
Gửi nữ sĩ Bạch - Ngọc sau khi tương kiến	Thực	Phạm huy Toại
Đề quyền Một mối tình	Thực	Nguyễn đình Ngân
Xuân mộng	Luận	Phan mạnh Danh
Ở Hà-nội nhớ bạn Tiên-thành	Luận	Phạm huy Toại
Xuân mộng	Luận	Phan mạnh Danh
Bê dâu	Luận	Phan mạnh Danh
Xuân mộng	Luận	Phan mạnh Danh
Mừng tết	Thực	Bùi bằng Phấn
Tự thọ sáu mươi	Thực	Ông Cử Vạn-Phúc
Hồ bộ văn hành	Luận	Phan mạnh Danh
Tặng bạn	Luận	Vũ duyệt Lễ
Tiễn bạn	Luận	Ông Hào Quốc

Câu thơ

Vườn cúc ngày nay quen gót dạo ;  
Đường mây buổi trước nhẹ chân đi .

Đón xe vua Vũ tay cầm lại ;  
Thấy thóc nhà Chu mặt ngảnh đi .

Tắc cỏ biếng khuấy lòng hiếu tử ;  
Cánh hồng như giục chí nam nhi .

Ngoài vòng cương tỏa chân cao thấp ;  
Trong cuộc yên hà mặt tỉnh say .

Láo mắt coi chơi người lớn bé ;  
Vênh râu bàn hết chuyện xưa nay .

Mở miệng nói ra gân bát - sách ;  
Mềm môi chén mãi tit cung - thang .

Lòng tơ còn vương chàng Kim - Trọng ,  
Gót ngọc khôn đành chốn thủy - quan .

Mây râu vẽ mặt vang trong nước ;  
Giấy má nhà bay đáng mấy xu .

Bạc đầu ra miệng mà mong được !  
Tiền chữa vào tay đã hết rồi .

Gian già há sợ vòng binh lửa ;  
Chí tráng mong toàn giải nước non .

Trâu bò buộc căng coi buồn nhỉ !  
Tôm tép vắng mình đã sừng chưa !

Đánh ba chén rượu khoanh tay giãc ;  
Ngâm một câu thơ vỗ bụng cười .

Đầu đề	Thực hay Luận	Tác giả
Tặng bạn hồi hưu	Luận	Phạm huy Toại
Vịnh Bá-Di Thúc-Tề	Thực	Vô danh
Tảo mộ	Luận	Trần văn Thước
Tự thuật	Thực	Nguyễn công Trứ
Tự thuật	Luận	Nguyễn công Trứ
Tự trào	Luận	Nguyễn Khuyến
Vịnh Thôi - Kiều	Thực	Phạm quý Thích
Vịnh Tiến - sĩ giấy	Thực	Nguyễn Khuyến
Than nghèo	Thực	Tư diễn Đồng
Kỳ anh hộ quốc	Luận	Phạm huy Toại
Nước lụt	Luận	Trần tế Xương
Tự vịnh	Thực	Nguyễn công Trứ

Thực Nguyễn công Trứ  
 6706

Câu thơ

Khôn khéo chẳng qua ba tấc lưỡi ;  
Hỏi hỏi không hết một bàn tay .  
Há một cung tên lỏng chi trẻ ,  
Bội mười vàng sắt đúc gan già .  
Nhắm mắt bắm chân coi tạo hóa ;  
Kề vai vắt vù gánh non sông .  
Vù gái lưng cạp dài ba thước ;  
Gan chém đầu kinh dày bốn phương .  
Mặt vuông ta há thua gì ngọc ;  
Lòng đỏ mình nên giữ lấy son .  
Nghe như chọc ruột tai làm điếc ;  
Giận đến cắn gan miệng phải cười .  
Khắc khoải đã đau lòng cái quốc ;  
Bấn khoản thêm tức cật con ye .

CÓ NHỮNG CHỮ

Phận bạc cũng liền son với phấn ;  
Mình vàng au để trắng thay đen .  
Liền với non sông hai má phấn ;  
Giành nhau nòi giống một da vàng .  
Thông biếc bao la mây bạc lẫn ;  
Hoa đào san sát ánh vàng chen .  
Mặt chưa học vàng lò yếm thắm ;  
Tóc dù thay bạc vẫn lòng son .



Đầu đề	Thực hay Luận	Tác giả
Nhân tình thế thái	Luận	Nguyễn công Trứ
Đáp lại thơ Trần đế tặng	Luận	Nguyễn Biều
Vịnh Bà Triệu	Thực	Vô danh
Vịnh Bà Triệu	Thực	Trần văn Thược
Hòn gạch	Thực	Phan bội Châu
Xử thế	Thực	Nguyễn công Trứ
Ha thử	Thực	Hồng - Đức quốc âm thi tập
<b><u>VỀ MẪU SẮC</u></b>		
Bán mình ; chuộc cha	Thực	Chu mạnh Trình
Vịnh Trưng - Vương	Luận	Hoàng cao Khải
Vịnh cảnh Đà - Lạt	Luận	Phạm huy Toại
Tự thọ sáu mươi	Luận	Phạm huy Toại

Câu thơ

Trong vắt chân trời làn nước thăm :  
Trắng tinh đầu núi áng mây xa .

Mây trắng phất phơ vờn bóng nguyệt :  
Cúc vàng lòng lánh đượm hơi sương .

Đầu bạc, bạc thêm, thêm mấy chốc :  
Xuân xanh, xanh mãi, mãi du mà .

Tóc bạc mỗi năm thêm mãi mãi :  
Lông son một tấm giữ khư khư .

Đầu bạc cùng theo sương tuyết nhuộm :  
Lông son quên cả lễ dâu thay .

Đã hứa lông son dâng lễ quốc .  
Sá chi tóc bạc nhuộm quan hà .

Tóc bạc da mồi còn khỏe mãi :  
Non xanh nước biếc mộng vui hoài .

Tóc bạc da mồi dù khác trẻ ,  
Gan vàng da sắt vẫn nguyên già .

Ai kẻ mắt-xanh trong vũ trụ ,  
Thời ta đầu bạc chốn lâm tuyền .

Có đầu tương lai mang đầu bạc :  
Không nhẽ giới kia phụ má hồng .

Tổng-Độc vì thương người bạc mệnh :  
Tiền-Đường chưa chắc mã hồng nhan .

Bà qui châu vàng quên tóc bạc :  
Bổ mừng con đỏ uốn râu xanh .

Đầu đề	Thực hay Luận	Tác giả
Thu cảm	Thực	Phạm huy Toại
Thu dạ cảm tác	Thực	Kim y Điều
Phản cung tự vấn	Luận	Phan mạnh Danh
Tự thọ sáu mươi tư	Thực	Phạm huy Toại
Hồi cư gặp bạn cũ	Luận	Vương thưởng Liên
Kỷ anh hộ quốc	Thực	Trịnh Văn
Tự thọ sáu mươi hai	Thực	Phạm huy Toại
Tự thọ sáu mươi ba	Thực	Phạm huy Toại
Dịch thơ tự thọ sáu mười của bạn	Thực	Phạm huy Toại
Tư - Hải thác oan; Thủy - Kiều nợ sạch	Thực	Phan mạnh Danh
Tư - Hải thác oan; Thủy - Kiều nợ sạch	Thực	Nguyễn khắc Hiếu
Mừng bạn sinh con gái	Thực	Ông Cử Bình

Câu thơ

Lưng đeo đai bạc sừng nào nhuộm ;  
Đầu đội tàn xanh nắng chẳng vào .

Lửa đỏ lòng son thi sắc thái ,  
Sử xanh đã biết chép công danh .

Xuyên qua gác tia vàng giăng bạc ;  
Dở trước đèn xanh bộ sử vàng .

Quạ vàng soi sáng khung giới biển ;  
Sóng bạc găm vang mặt bể xanh .

Tài khinh, vàng đỏ khôn lung lạc ;  
Nghĩa trọng, lòng son chẳng chuyển di .

Đôi đóa nhị hồng in dáng tia ;  
Một doanh nước biển ánh giới xanh .

Liều nả khói xanh chừng đời hận ;  
Đèn như đầu đỏ giục tương tư .

Lầu đài thấy hiểm mề - đay đỏ ;  
Phổ xá chen đầy nếp áo xanh .

Lai láng những e làn sóng đỏ ;  
Phất phơ mới thấy ngọn cờ xanh .

Một bước nhờ nhàn duyên chỉ thăm ;  
Hai lần vương víu nợ lâu xanh .

Duyên thăm hai người nhường tỏ rõ ;  
Lòng son một tấm khó bày phơi .

Trông giới đã đỏ hai con mắt ;  
Nhắm bút thêm đen một khúc lòng .

Đầu đề	Thực hay Luận	Tác giả
Vịnh cây cau	Thực	Vô danh
Võ - Tánh tự phần	Luận	Trần văn Thuộc
Đêm thu đọc sử	Thực	Trần văn Thuộc
Mặt giới mọc trên hồ	Thực	Trần văn Thuộc
Vịnh Nguyễn - Dương	Luận	Trần văn Thuộc
Tây - hồ tức cảnh	Thực	Trịnh Sâm
Xuân mộng	Luận	Phan mạnh Danh
Đi chơi tỉnh Hòa-Bình	Luận	Phạm huy Toại
Cảm tưởng ngày biểu tình L. H. Q.	Luận	Đoàn như Khuê
Vịnh Thúy-Kiều	Thực	Phạm huy Toại
Đề ảnh hai vợ chồng cùng ngồi	Luận	Phạm huy Thành
Đi thi hương	Luận	Vô danh

Câu thơ

Bạc đen chỉ vị hơi đồng ám ;  
Vàng đỏ làm cho dạ sắt mềm .

Phương giới ngấm nghĩa mây đen kịt ;  
Khoảng đất chờ trông ánh đỏ hồng .

Giải nước đen xi ngăn chính giữa ;  
Rặng non biếc xâm bọc chung quanh .

Mưa bay sườn núi rêu xanh mặt ;  
Gió cuốn lòng sông sóng bạc đầu .

Gửi đâu khỏi lạc thư hồng điệp ;  
Xe mãi chưa sẵn mối xích thừng .

Lá dẫu thu về phai sắc lục ,  
Hoa đương xuân cũ đượm màu hồng .

Tầng tầng tuyết trắng in từng lớp ;  
Thăm thăm dâu xanh khuất mấy ngàn .

Mấy ngàn dâu biếc nhường ngăn đón ;  
Một giải sông đào lưỡng đợi trông .

Chau chứa khắp nơi đồng trắng xóa ;  
Mông mênh như bể nước trong veo .

Đầu nhà khói tỏa lồng sương bạc ;  
Sườn núi chim gù ẩn lá xanh .

**CÓ NHỮNG CHỮ GIỚI ĐẤT, NƯỚC**

Ngàn dâu gió cuốn chim bay mỗi ;  
Đậm liễu sương sa khách bước dồn .

Đầu đề	Thực hay Luận	Tác giả
Buổi kim tiền	Luận	Phạm huy Toại
Mưa dầm	Luận	Phạm huy Toại
Đi chơi tỉnh Hòa-Bình	Thực	Phạm huy Toại
Trùng du Ninh - Bình	Thực	Phan mạnh Danh
Xuân mộng	Thực	Phan mạnh Danh
Xuân mộng	Luận	Phan mạnh Danh
Xuân mộng	Luận	Phan mạnh Danh
Nhớ người tri kỷ ở phương xa	Luận	Phạm huy Toại
Cảnh lụt huyện Gia-Bình	Thực	Phạm huy Toại
Cảnh một	Thực	HỒNG-ĐỨC QUỐC âm thi tập
<b><u>NON, CỎ HOA, GIẢNG</u></b>	<b><u>GIÓ,</u></b>	<b><u>v. v.</u></b>
Chiều hôm nhớ nhà	Luận	Bà huyện Thanh - Quan

Câu thơ

Dậm liễu buông sương người đảo bước ;  
Hoa đào cợt gió chủ đời xa .

Cửa sái lộng lẽ then mây kín ;  
Rèm trúc diu hiu bóng ác tà .

Luyến cây riu rít chim về tổ ;  
Gác núi chành vênh ác xế tà .

Bóng giăng thấp thoáng hồn Diên, Hạc ;  
Nét đá lơ mờ dấu Phạm, Trương .

Chành vênh trái núi trời trên vung ;  
Uốn éo lòng sông lượn dưới thành .

Rêu phủ bia thơ mờ nét bút ;  
Giăng lồng áng cúc tổ màu thanh .

Lối nào hang gió mây chưa khép ;  
Dấu cũ thơ tiên đá cũng nhòa .

Cuốn cuộn mây ngàn che điểm cỏ ;  
Tà tà bóng xế rỗi thuyền câu .

Danh thắng còn ghi trong vũ trụ ;  
Công trình đã trải mấy tang thương .

Đền quạnh, mơ màng vầng nguyệt gác ;  
Bia hoang, mờ mịt lớp rêu phong .

Cỏ hoa đã nhuộm màu dâu bể ;  
Danh tiếng từng vang giải núi sông .

Cánh ngọc nhị vàng nền đã quý ;  
Hương giới sắc nước phẩm thêm cao .



Đầu đề	Thực hay Luận	Tác giả
Chiều hôm thăm bạn, bạn đã đi cư	Thực	Dương tự Đề
Chiều hôm thăm bạn, bạn đã đi cư	Luận	Dương tự Đề
Đồ bộ văn hành	Thực	Phan mạnh Danh
Vịnh núi Dục - Thúy	Luận	Nguyễn đình Giốc
Vịnh núi Dục - Thúy	Thực	Phạm huy Toại
Vịnh núi Dục - Thúy	Luận	Phạm huy Toại
Vịnh núi Dục - Thúy	Thực	Đoàn như Khuê
Trùng du Ninh - Bình	Luận	Phan mạnh Danh
Vịnh Đế-Thiên Đế-Thích	Luận	Phạm huy Toại
Vịnh sinh từ ông Nguyễn-hữu-Độ	Thực	Phạm huy Toại
Vịnh sinh từ ông Nguyễn-hữu-Độ	Luận	Phạm huy Toại
Vịnh hoa thủy - tiên	Thực	Phạm huy Toại

Câu thơ

Quế trên Cung-Quảng chùng ghen tị ;  
Khách dưới trần - gian những ước ao  
Gió mát đưa thanh bầu lợi dục ;  
Giăng trong soi chéch viện cầm thơ .  
Phảng phất hồn hoa trên gối điệp ;  
Rõ ràng vẽ ngọc dưới đài gương .  
Tĩnh ra còn nhớ nhời sơn sắt ;  
Ngủ lại mong ghi nghĩa đá vàng .  
Ngọn đèn ánh dưới vầng giăng khuyết ;  
Giọng dễ hòa theo tiếng trống canh .  
Khúc đàn bạc mệnh tơ chưa dứt ;  
Giấc mộng vô duyên kiếp đã đành .  
Chữ hiểu ít nhiều giới đất biết ;  
Gánh tình nặng nhẹ chị em chung .  
Quyên khuya gọi nguyệt nhường rơi huyệt ;  
Chuông sớm kêu sương tưởng dứt hồn .  
Nỏ thiêng hờ hững giầy oan buộc ;  
Giếng ngọc voi đầy giọt lệ pha .  
Cây cỏ vẫn cười ai bạc mệnh ;  
Cung đình chưa sạch bụi phồn hoa .  
Non sông dặt khách thương cùng bệnh ;  
Mưa gió giới đêm cảm chiếc thân .  
Giới Nam non nước còn nguyên đó ,  
Đất khách phong trần chẳng quản dàu .

Đầu đề	Thực hay Luận	Tác giả
Vịnh hoa thủy - tiên	Luận	Phạm huy Toại
Cảnh làm quan Huyện Hưng - nhân	Thực	Nguyễn văn Đào
Mơ bạn lúa - đôi sau 30 năm tử biệt	Thực	Phạm huy Toại
Mơ bạn lúa - đôi sau 30 năm tử biệt	Luận	Phạm huy Toại
Mơ bạn lúa - đôi sau 30 năm tử biệt	Thực	Phạm huy Toại
Vịnh Thủy - Kiều	Luận	Phạm huy Toại
Vịnh Thủy - Kiều	Luận	Tôn thọ Tường
Xuân mộng	Luận	Phan mạnh Danh
Vịnh My - Châu	Thực	Trần tuấn Khải
Vịnh My - Châu	Luận	Trần tuấn Khải
Xuân mộng	Luận	Phan mạnh Danh
Di cư lưu biệt	Luận	Phạm huy Toại

Câu thơ

Giời thăm đã mòn con mắt khách ;  
Hồ xâu chưa thăm mối tình ta .

Gánh vác non sông người xã hội ;  
Đọc ngang giờ bề nguyệt bình sinh .

Bề Học dồn thêm nhiều sóng mới ;  
Rừng Nho sót lại mấy cây xinh .

Bãi rộng không đào nhưng vẫn lở ;  
Nước xâu nào tát thế mà vơi .

Nay bề mai dầu cơ biển ảo ;  
Xuống chim lên bổng sự ưa may .

Cái miếng dính chung tranh dữ dội ;  
Con đường danh lợi chạy toi bời .

Giăng khuya hoa sớm tình đan diu ;  
Nước biếc non cao cảnh thú vui .

Vui thú cúc tùng hoa rợp cửa ;  
Chăm vun lan quế cảnh đầy sân .

Đùng đỉnh ngày tiên cùng tháng but ;  
Vui vầy gió gác với giăng sân .

Cỏ hoa hơn hở đầy xuân tứ ;  
Non nước bao la nặng cảm tình .

Phương giờ trông ngóng mây còn vẫn ,  
Mái tóc bụi ngài tuyết đã pha .

Gió giăng dù sẵn niềm vui thú ,  
Non nước khôn khuấy nổi cảm sầu .

Đầu đề	Thực huy Luận	Tác giả
Lưu biệt khi hồi cư	Luận	Phạm huy Toại
Thiên con khi ra làm việc	Thực	Phạm huy Toại
Đề quyền Một mối tình	Luận	Nguyễn đình Ngân
Bề dẫu	Thực	Phan mạnh Danh
Cuộc đời	Luận	Phạm huy Toại
Ngắm cuộc đời	Luận	Phạm huy Toại
Chơi	Thực	Phạm huy Toại
Mừng tết	Luận	Bùi bằng Phấn
Mừng tết	Luận	Phạm huy Toại
Hai tết quê người	Thực	Phạm huy Toại
Ba tết quê người	Luận	Phạm huy Toại
Cảm hoài	Thực	Phạm huy Toại

Câu thơ

Ngao ngán thương kim cùg nhớ cồ ;  
Búi ngùi nay bề lại mai dàu .

Sự thể phó cho cơn gió thoảng ,  
Lòng son đối với bóng giăng trong .

Chùa xa mảng tiếng chuông gần sáng ;  
Núi thẳm hầu tan chợ buổi chiều .

Quanh nhà riu rít nghe chim vượn ;  
Từ phía thành thang đón gió giăng .

Cành ngô lá úa sương treo nặng ;  
Gốc tử mù che bóng xế tà .

Lững lơ trước án giăng trêu rỗi ;  
Phảng phất bên rèm gió cợt lay .

Tự cường Âu phải kiên gan sắt ;  
Độc lập nên mau kết giải đồng .

Gin giữ non sông nền gấm vóc ,  
Vẻ vang con cháu giống Tiên Rồng .

Gió im sóng lặng cùng vui cảnh ;  
Nước thịnh dân yên lộ biểu tình .

Mái tóc dàu rắng in vẻ tuyết ,  
Nền văn dàu dằm sánh vì tinh .

Tang thương cũng muốn khuấy niềm nghi ;  
Thanh khí nên đem ngổ tặc thành .

Kìa non kìa nước vui còn mãi ;  
Này rượu này thơ thú lắm mà .

Đầu đề	Thực hay Luận	Tác giả
Cảm hoài	Luận	Phạm huy Toại
Hồi hưu tức sự	Luận	Phạm huy Toại
Tiêu - Tương bát cảnh	Luận	Phan mạnh Danh
Một tháng ở Bu - đăng	Luận	Phạm huy Toại
Thu cảm	Luận	Phạm huy Toại
Nhớ bạn Tiên - thành	Thực	Phạm huy Toại
Mừng nước độc lập	Thực	Phạm huy Toại
Mừng nước độc lập	Luận	Phạm huy Toại
Mong thế giới hòa bình	Thực	Phạm huy Toại
Đáp lại thơ bạn tặng	Thực	Phạm huy Toại
Đáp lại thơ bạn tặng	Luận	Phạm huy Toại
Gửi bạn	Thực	Nguyễn đình Ngân

Câu thơ

Tháng ngày non nước câu thơ phẩm ;  
Sớm tối giăng hoa chén rượu khà .

Gió giăng khi hứng câu thơ Lý ;  
Non nước ngày vui chén rượu dào .

Rượu rót thơ ngâm quên tuế nguyệt ;  
Chè pha hương đốt dưỡng tinh thần .

Thơ phẩm ngâm nga cười thỏa thích ;  
Rượu ngon uống nhấp muện tiêu tan .

Rộn rã thơ đưa cùng rượu tiễn ;  
Bâng khuâng kẻ ở với người đi .

Cuộc rượu tỉnh say không cạn chén ;  
Ván cờ thua được vẫn bằng quán .

Có rượu có thơ buồn vắng bạn ;  
Trông non trông nước ngán riêng mình .

Mưa gió khiến cho hoa sớm rụng ;  
Nước non luống để cảnh đeo sầu .

Trâm hốt danh thơm dòng tướng phủ ;  
Ngọc vàng giá đáng diệu thi ca .

Sân hòe tô diêm xuân thêm trẻ ;  
Vườn cúc tiêu dao cảnh đãi già .

Gió bụi may thành duyên hội ngộ ;  
Thơ văn tưởng lắng khúc cầm ca .

Sân Lý sớng nên lời cầm tú ;  
Vườn Đông họa lại khúc cầm ca .



Đầu đề	Thực hay Luận	Tác giả
Vi lão	Luận	Phạm huy Toại
Tặng bạn	Luận	Phạm huy Toại
Hội họp với bạn thơ	Luận	Phạm huy Toại
Cầm kỳ thi tửu	Luận	Phạm huy Toại
Lưu biệt	Luận	Phạm huy Toại
Cầm kỳ thi tửu cùng vui với bạn	Thực	Phạm huy Toại
Khóc bạn thơ	Luận	Phạm huy Toại
Khóc bạn gái	Luận	Nữ sĩ Bạch - Ngọc
Tặng bạn	Thực	Vũ duyệt Lê
Tặng bạn	Luận	Vũ duyệt Lê
Tặng bạn	Thực	Phạm huy Toại
Gửi bạn thơ	Thực	Nguyễn đình Ngân

Câu thơ

Trò chuyện đồng tâm khi suốt buổi ;  
Thơ văn đặc ý lúc vài câu .

Cờ độ thấp cao đương cuộc dờ ;  
Thơ cũng sướng họa ít ai hay .

Mến tài yêu sắc tình lai láng ;  
Tiếc « ngọc » thương hoa da ngấn ngơ .

Cung đàn lơ dịp bao niềm hận ;  
Phòng « ngọc » tiêu sầu mấy điệu thơ .

Đương vui vẽ cảnh khi gần gũi ,  
Đã ngấn ngơ tình buổi tiên đưa .

Nhớ duyên kỳ ngộ thương ngày cũ ;  
Nhắc nợ tao đàn tiếc ý xưa .

Việc chẳng có danh tham có lợi ;  
Chuyện không vì lợi chính vì danh .

Giời cao chim mỗi bay về nghỉ ;  
Bề động thuyền bỗng chớ khó đi .

Chữ duyên nhân quả thành dan diu ;  
Cái kiếp phong hoa dễ nợ nần .

Cũng là duyên nợ nên dan diu ,  
Nào phải giãng hoa há then thò .

Mưa giục lộng xuân rơi tách tách ;  
Gió tuôn mạch nhớ thổi vo vo .

Đài cao giãng sáng may cùng gặp ,  
Vườn hạnh hoa thơm há nữ rào .

Đầu đề	Thực hay Luận	Tác giả
Di cư lưu biệt	Thực	Phạm huy Toại
Di cư lưu biệt	Luận	Phạm huy Toại
Gửi nữ sĩ Bạch - Ngọc sau khi tương kiến -	Luận	Phạm huy Toại
Cảm hoài	Thực	Nữ sĩ Bạch-Ngọc
Nhớ người nữ sĩ	Luận	Phạm huy Toại
Cảm hoài	Thực	Nữ sĩ Bích-Dur
Danh lợi	Thực	Phạm huy Toại
Lưu giản	Luận	Nguyễn khánh Trường
Xuân mộng	Thực	Phan mạnh Danh
Chữ tình	Thực	Phạm huy Toại
Chữ tình	Luận	Phạm huy Toại
Xuân mộng	Thực	Phan mạnh Danh

Câu thơ

Trương huệ đêm này cơn gió thoảng ;  
Đài sen lối cũ bóng giăng cao ,

Say nguyệt, sẵn lòng lăm hỏi nguyệt ;  
Yêu hoa, mang tưởng cố tìm hoa .

Non Nhạc dẫu hay truyền sứ nhận ,  
Sông Ngân hồ dễ bắc cầu ô .

Phong điệu dưới đào, chiều dưới liễu ;  
Tinh thần trong kính, nét trong tranh .

Nước non vẫn nhớ nơi hoàn kiếm ;  
Phổ xá còn ghi chốn đức tiên .

Non sông xưa đã thêu thành gấm ,  
Bút mực rầy nên trở lấy hoa .

Bèo nổi ngấm âu duyên hội ngộ ;  
Mây trôi sá kể áng công danh .

Buổi sớm gió đưa, trưa nắng đón ;  
Ban chiều mây họp, tối giăng chơi .

Đã mang tiếng ở trong giới dất ,  
Phải có danh gì với núi sông .

Cờ đương gặp bi khôn toan nước ;  
Bạc chữa thâu canh đã chạy láng .

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo ;  
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương .

Làn núi trông xa càng hút thăm ;  
Đám mây đi mãi biết về đâu .

Đầu đề	Thực hoy Luận	Tác giả
Xuân mộng	Thực	Phan mạnh Danh
Xuân mộng	Thực	Phan mạnh Danh
Xuân mộng	Thực	Phan mạnh Danh
Xuân mộng	Thực	Phan mạnh Danh
Vịnh thành Thăng - Long	Luận	Ngô bằng Giục
Đề quyền Một mối tình	Thực	Ứng Trình
Đáp lại thơ bạn tặng	Luận	Phạm huy Toại
Chơi chợ giới chùa Thầy	Thực	Hồ Xuân Hương
Chi nam nhi	Luận	Nguyễn công Trù
Tự trào	Thực	Nguyễn Khuyến
Thăng-Long thành hoài cổ	Thực	Bà Huyện Thanh - Quan
Tiên biệt	Thực	Vô danh

Câu thơ

Còn bạc còn tiền còn đệ tử ;  
Hết cơm hết rượu hết ông tôi .

Chén rượu hương đưa say lại tỉnh ;  
Vầng giăng bóng xế khuyết chưa tròn .

Có bầu có bạn can chi túi ;  
Cùng gió cùng mây thế mới vui .

Ngọc bích giá cao còn dấu đó ;  
Cánh hồng bay bổng tận nơi đâu .

Thề đã nặng lời chưa ráo chén ;  
Hoa đương phong nhị bổng xa cành .

Bóng rợp non sông tàn tán dựng ;  
Sắc nhuận mưa móc gấm hoa thêu .

Đám mây đầu núi đã tan hết ;  
Ngọn nước lòng sông luống chảy xuôi .

Đầu non gió thổi mây nghi ngút ;  
Lòng nước thuyền trôi sóng bập bùng .

Dắp mượn đèn viên vui tuệ nguyệt ,  
Chót đem thân thế hẹn tang bồng .

Hê không điều lợi khôn thành đại ;  
Đã có đồng tiền dờ cũng hay .

Son phấn thà cam dày gió bụi ,  
Đá vàng chi để thẹn non sông .

Chuông có hồi kêu người phải tỉnh ;  
Phút không khi nghĩ đất hăng xoay .

Đầu đề	Thực hay Luận	Tác giả
Nhân tình thế thái	Thực	Nguyễn bình Khiêm
Than thân	Thực	Hồ xuân Hương
Thăng cuội nói với Hàng-nga	Luận	Nguyễn khắc Hiếu
Tiên bạn đời đi xa	Thực	Phạm huy Toại
Đề tập Hoa Bạch - trà của Đỗ - đức - Thực	Thực	Phạm huy Toại
Vịnh cây gạo chùa Báo	Luận	Vô danh
Xuân mộng	Luận	Phan mạnh Danh
Đi thuyền chơi Chợ - Bờ	Thực	Phạm huy Toại
Chí nam nhi	Thực	Nguyễn công Trứ
Nhân tình thế thái	Thực	Nguyễn công Trứ
Tôn phu nhau về nước Thực	Luận	Tôn thọ Tường
Đồng hồ náo	Luận	Phan bội Châu

Câu thơ

Tay cầm lái vững kinh gi sóng ;  
Gió thổi thuyền lên cuốn cả sông .

Dòng Tứ mạch Thù khơi bến Nhị ;  
Bia Lê gác Lý ngắt non Nùng .

Ngọn bút góp bao tay Phạm, Nguyễn ;  
Hồn văn gọi lại buổi Trần, Lê .

Ngâm đến văn chương ưa Lý, Đỗ ;  
Nhìn ra non nước nhớ Trần, Lê .

Linh-tháp nhìn bia còn thấy chữ ;  
Hộ-thành hỏi núi đã thay tên ,

Bức tranh sơn thủy nhìn như vẽ ;  
Lớp sóng tang thương nghĩ giặt mình .

Thấp thoáng người xưa qua bóng hạc ;  
Bâng khuâng canh vắng thoảng chuông kinh .

Nước biếc non xanh bao ý vị ;  
Giăng trong gió mát nở thơ ơ .

Giăng lơ dưới thông vàng lỗ chỗ ;  
Gió lay bên trúc ngọc rung rinh .

Phong nguyệt thơ ơ bầu ngọc đúc .  
Giang sơn bỡ ngỡ bức tranh in .

Cơm áo dền rồi ơn đất nước ;  
Râu mây giữ vẹn phận tôi con .

Lăm giã ơn vua dền nợ nước ,  
Đành cam gánh nặng ruổi đường xa .



Đầu đề	Thực hay Luận	Tác giả
Thuyền ra bể	Luận	Phan bội Châu
Vịnh văn miếu Hà-nội	Thực	Vô danh
Đề tập thơ Thúy - sơn của Đoàn - Chiểu	Thực	Đoàn như Khuê
Đề tập thơ Thúy - sơn của Đoàn - Chiểu	Thực	Lê Đại
Lên núi Dục - Thúy cắm hoài	Luận	Đoàn như Khuê
Thuyền chơi Bạch-Đằng giang	Thực	Đoàn như Khuê
Thuyền chơi Bạch-Đằng giang	Luận	Đoàn như Khuê
Dịch bài Tự vịnh của Trạng - Trình	Thực	Hoàng văn Sỹ
Dịch bài Nhân vịnh của Trạng - Trình	Thực	Hoàng văn Sỹ
Chơi động Hương-Tích	Thực	Trịnh Sâm
Trung thần nghĩa sĩ	Thực	Nguyễn đình Chiểu
Cắm hoài	Thực	Phan thanh Giản

Câu thơ

Lên ghềnh xuống thác thương con trẻ ;  
Vượt bể trôi non cảm phận già .

Hết sức người theo giờ chẳng kịp ;  
Hoài công chim lấp biển khôn bằng .

Phương xa xe ngựa lừ đi đến ;  
Nước cũ non sông ngóng lúc về .



Đầu đề	Thực hay Luận	Tác giả
Cảm hoài	Luận	Phan thanh Giản
Tự thuật	Luận	Tôn thọ Tường
Đi sứ nước Pháp	Luận	Tôn thọ Tường

